TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Thành C**, sinh năm 1967. Trú tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Bà **Hồ Cẩm H**, sinh năm 1971. Trú tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông **Võ Thành C** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Hồ Cẩm H chung sống với nhau từ năm 1993, hôn nhân tự nguyện, nhưng ông và bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 người con chung tên Võ Anh T, sinh năm 1993 và Võ Nhật T, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông C yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Đồng thời, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

*Đối với bị đơn bà **Hồ Cẩm H:*** Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Võ Thành C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hồ Cẩm H nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "*Ly hôn*". Bà Hồ Cẩm H có hộ khẩu thường trú tại huyện Trần Văn Thời nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Võ Thành C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Hồ Cẩm H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xác định ông C và bà H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền và đồng thời, ông C cũng xác định ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông C và bà H có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, ông C yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân giữa ông C và bà H có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Do 02 người con chung của ông C, bà H đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Ông C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Thành C và bà Hồ Cẩm H là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông Võ Thành C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Thành C đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003040 ngày 02/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang